

Số: 21/BC-THCSHL

Mường Tùng, ngày 22 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

**Công tác quản lý cơ sở vật chất và thiết bị cho học sinh bán trú theo
NĐ 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính
sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn
trên địa bàn xã Mường Tùng, năm học 2024-2025**

Thực hiện kế hoạch số 05/KH-BKTNS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HDND xã Mường Tùng về việc “Giám sát công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị cho học sinh bán trú học sinh bán trú theo Nghị định: 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã Mường Tùng, năm học 2024-2025. Trường PTDTBT THCS Huổi lèng báo cáo nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Trường THCS Huổi Lèng được thành lập theo Quyết định số 634 /QĐ-UBND, ngày 06/06/2011 của UBND huyện Mường Chà về việc thành lập các đơn vị trường học thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên đa số có năng lực chuyên môn khá tốt, ở các bộ môn đều có giáo viên cốt cán của trường và của ngành, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Nhà trường có đủ số phòng học đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học, đáp ứng việc dạy hai buổi/ngày. Phòng học được trang bị máy chiếu thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

Cơ cấu tổ chức: Năm học 2024-2025 Nhà trường có 02 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng, với 30 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trong đó, CBQL 03, giáo viên 22, nhân viên 5, học sinh 328 em, trong đó 195 em học sinh bán trú.

1. Thuận lợi

Nhà trường được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và địa phương về phòng học, nhà bán trú, khu vệ sinh, sân chơi, bãi tập.

Thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất.

Có sự phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh và cộng đồng trong việc giữ gìn cơ sở vật chất chung.

2. Khó khăn, hạn chế

Một số phòng học, phòng nội trú xuống cấp, mái tôn, cửa sắt, bàn ghế bị hư hỏng do thời gian sử dụng lâu dài.

Trang thiết bị dạy học ở một số bộ môn (Tin học, Thí nghiệm Vật lý – Hóa học – Sinh học) còn thiếu, chưa đồng bộ.

Một số phòng còn thiếu như: Phòng nghệ thuật, phòng tiếng Anh, phòng chức năng.

Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ còn hạn chế do kinh phí chưa được bố trí thường xuyên.

Học sinh bán trú chủ yếu là con em dân tộc thiểu số, ý thức giữ gìn tài sản chưa cao, dẫn đến một số tình trạng hư hỏng nhỏ trong quá trình sử dụng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy mô, diện tích

Năm học 2024-2025 Nhà trường có 9 phòng học (6 phòng học kiên cố, 3 phòng bán kiên cố)

Trong đó:

- + 1 nhà lớp học 2 tầng (6 phòng học) với diện tích 430 m²
- + 1 nhà lớp học 3 cứng, diện tích 150 m²
- + 1 nhà với 4 phòng làm việc (BGH, Hành chính), diện tích 135,7 m²
- + 1 nhà với 4 phòng bộ môn; diện tích 135,7 m²
- + 1 nhà nội trú nữ 6 phòng diện tích 139 m²
- + 1 nhà nội trú nam 2 tầng, 10 phòng diện tích 430 m²
- + 1 phòng 3 gian (thư viện, thiết bị,..) diện tích: 240 m²
- + Số máy tính phục vụ giảng dạy và học tập là: 20 máy (trong đó có 5 máy tính phòng thư viện thiết bị).

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại trường học

2.1. Đánh giá công tác quản lý

Để nâng cao hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa ban giám hiệu, giáo viên, và cán bộ phụ trách thiết bị, đồng rà soát hàng năm và bổ sung vào kế hoạch mua sắm, bảo dưỡng định kỳ, nâng cao hiệu quả sử dụng, thực hiện theo quy trình sau:

Xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị: Lập kế hoạch mua sắm phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu dạy học và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí.

Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Phân công bộ phận chuyên môn, tổ chuyên môn đánh giá chất lượng thiết bị tham mưu cho lãnh đạo về định mức bảo dưỡng và sửa chữa, dự trù kinh phí cho việc sửa chữa.

Phối hợp đồng bộ: Có sự thống nhất, đồng bộ trong cách nghĩ, cách làm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và cán bộ phụ trách thiết bị.

2.2. Quản lý cơ sở vật chất

Nhà trường hiện có 1 nhà bếp được trang cấp giàn bếp gas công nghiệp, tủ nấu cơm bằng điện, khu bếp hợp vệ sinh, đảm bảo ATTP theo quy định. Tuy nhiên do diện tích chật hẹp, là nhà bán kiên cố nên đôi khi còn gặp khó khăn trong việc nấu ăn cho học sinh. Trong năm học 2024-2025 nhà trường đã mua các danh mục thiết bị để phục vụ nhà bếp (Tủ đông, tủ nấu cơm, giàn bếp gas,..) với số tiền: 79.538.000 đồng

- Phòng tắm, phòng ở của học sinh bán trú được chia tách thành 2 khu vực rõ giữa học sinh nam và học sinh nữ thuận lợi cho công tác quản lý bán trú. Tuy nhiên khu nữ chưa có nhà tắm và phòng thay đồ riêng nên chưa đảm bảo nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của học sinh. Phòng nội trú của học sinh còn thiếu, chưa đảm bảo sinh hoạt so với số lượng học sinh bán trú của nhà trường

- Cơ sở hạ tầng, hệ thống nước sạch chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn nước sạch (địa hình nhà trường không bằng phẳng, diện tích nhỏ hẹp, nguồn nước lấy từ khe nước)

+ Hệ thống điện: Nhà trường đã lắp hệ thống điện 3 pha, tách riêng công tơ khu bán trú để dễ theo dõi và chi trả theo chế độ cho học sinh.

+ Hệ thống PCCC theo quy chuẩn: chưa có.

+ Nhà trường có 1 lò đốt rác tuy diện tích nhỏ nên chưa đáp ứng được nhu cầu xử lý rác hàng ngày.

Quản lý trang thiết bị, cơ sở vật chất

- Giường tầng cho học sinh nội trú: 74 cái

- Bàn ghế cho học sinh nội trú nữ: 10 bộ

- Số phòng học được đầu tư mới, bổ sung: 0

- Số phòng học được cải tạo, sửa chữa, kiên cố hóa: 0

- Số phòng học bộ môn, thư viện, nhà vệ sinh được đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo: 0

2.3. Chế độ bán trú

+ **Tiền ăn bán trú năm học 2024-2025 :**

***4 tháng cuối năm 2024:** + Số tiền ăn : 732.888.000 đồng

+ Tiền thuê nhân viên nấu ăn : 63.180.000 đồng

+ Số tiền mua DCTT : 19.500.000 đồng

+ Số tiền mua thuốc : 9.750.000 đồng

***5 tháng đầu năm 2025:** + Số tiền ăn : 912.600.000 đồng

+ Số tiền thuê nhân viên nấu ăn : 78.975.000 đồng

+ **Số gạo được cấp phát năm học 2024-2025 :**

Tổng số được cấp : 26.370 kg (lần 1 : 14.850 kg , lần 2 : 11.520 kg)

Tổng đã ăn năm học 2024-2025 : 20.974,5 kg

Tồn số gạo thừa trả lại cho học sinh : 5.395,5 kg

(Do năm học 2024-2025 gạo cấp miễn sẽ không có gạo cho HS ăn trong tháng 9/2025 nhà trường có hợp thỏa thuận với phụ huynh vào cuộc họp cuối năm nhất trí giữ lại số gạo trả lại cho HS K6,7,8 là 4.290 kg)

+ *Hợp đồng nhân viên nấu ăn:*

Nhà trường ký kết với 3 nhân viên hợp đồng với mức tiền: 5.265.000 đồng/người/tháng trên cơ sở hợp đồng dưới 30 ngày và người lao động đóng BHXH tự nguyện hàng tháng.

+ *Hợp đồng cung ứng thực phẩm:*

Nhà trường ký hợp đồng với 2 nhà cung ứng là Hợp tác xã CNC Toàn Hương và Công ty TNHH Đăng Khoa Điện Biên, nhà trường có hợp đồng và thanh lý hợp đồng với nhà cung ứng theo từng tháng, với giá thực phẩm dựa trên giá báo giá của phòng tài chính và giá thực tế tại xã tại tháng ký kết hợp đồng.

*** *Về mua sắm thiết bị, dụng cụ thể thao, thuốc, vật tư y tế***

Nhà trường đã mua dụng cụ thể thao cho học sinh theo quy định của nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 với số tiền 100.000 đồng/ HS tổng số tiền: 19.500.000 đồng (nhân viên thiết bị lập hồ sơ theo dõi số lượng mượn trả, bảo quản sử dụng)

Đối với kinh phí chăm sóc sức khỏe, mua các loại thuốc cho học sinh là 50.000 đồng/HS, tổng số tiền 9.750.000 đồng (do nhân viên y tế lập hồ sơ theo dõi số lượng và thực hiện cấp phát)

3. *Đánh giá công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Nhà trường thực hiện rà soát cơ sở vật chất và tham mưu bổ sung cơ sở vật chất theo nhu cầu của nhà trường, học sinh bán trú.

Nhà trường quản lý, cấp phát dụng cụ thể thao, và thuốc đúng đối tượng học sinh, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

Nguồn ngân sách để thực hiện được chế độ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 kịp thời, và đầy đủ.

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Diện tích khuôn viên còn nhỏ hẹp, cơ sở hạ tầng không bằng phẳng, cơ sở vật chất còn thiếu so với nhu cầu thực tế của nhà trường.

Thiết bị chưa đủ để đáp ứng theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Kinh phí đầu tư cho việc mua sắm, bổ sung trang thiết bị còn hạn hẹp.

IV. GIẢI PHÁP NĂM HỌC 2025 – 2026

Tăng cường kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ kịp thời, tránh hư hỏng.

Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ, giáo viên trong việc quản lý phòng học, thiết bị.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học cho giáo viên.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức giữ gìn cơ sở vật chất cho học sinh bán trú.

Chủ động tham mưu, đề xuất với Phòng Văn hoá-Xã hội; UBND xã về đầu tư xây mới, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị còn thiếu.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Đầu tư, xây dựng tổng thể nhà trường sang khu vực mới để đảm bảo đáp ứng theo quy chuẩn về diện tích, hệ thống phòng học, phòng chức năng, nhà đa năng..., sân chơi bãi tập.

Đảm bảo đủ phòng ở, nhà bếp, nhà ăn, nhà tắm, nhà vệ sinh... đáp ứng cho học sinh bán trú ở tại trường.

Đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị, dụng cụ sinh hoạt phục vụ nhu cầu sử dụng cho chương trình giáo dục phổ thông 2018 và học sinh bán trú.

Trên đây là báo cáo cơ sở vật chất và thiết bị cho học sinh bán trú theo Nghị định: 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã Mường Tùg, năm học 2024-2025./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Xuân Lợi